TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CHƠN THÀNH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC** Bản án số: 48/2023/HNGĐ-ST Ngày: 20/9/2023 V/v ly hôn	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ung Thị Ngọc Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lương Thị Thu An

2. Ông Phạm Xuân Đính

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Nở - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023 về "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Q, sinh năm 1963 (vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 10, KP.10, P. H, thị xã C, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Ông Trịnh K, sinh năm 1962 (có mặt)
Địa chỉ: Tổ 10, KP.10, P. H, thị xã C, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/7/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Q và ông Trịnh K chung sống với nhau vào năm 1998 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân TTC, huyện B (nay là P. H, thị xã C), tỉnh Bình Phước. Trước khi chung sống cả hai còn độc thân, việc chung sống là tự nguyện.

Quá trình chung sống thì thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2021 thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cãi vã do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Cả hai không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nay bà Q thấy vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Q được ly hôn với ông K

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trịnh L sinh năm 1999 hiện

con đã trưởng thành nên bà Q không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng cấp dưỡng

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Trịnh K trình bày **:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông K thống nhất với lời trình bày của bà Lê Q về điều kiện chung sống, điều kiện kết hôn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, không biết quan tâm quý trọng lẫn nhau, chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2021 cho đến nay. Nay trước yêu cầu ly hôn của bà Q thì ông K không đồng ý vì hiện nay bà Q còn giữ của ông K số tiền 330.000.000 đồng chưa trả cho ông.Thời điểm tháng 2/2023 vợ chồng ông bà chia tài sản chung, bà Q nợ ông K 330.000.000 đồng từ việc bán tài sản riêng của ông K vào năm 2018 được 1.150.000.000 đồng, bà Q mượn một năm để buôn bán bất động sản, năm 2020 ông K lấy lại 770.000.000 đồng, bà Q nợ 330.000.000 đồng tới nay không chịu trả cho ông K, ông K chỉ đồng ý ly hôn khi nào bà Q trả lại số tiền trên cho ông

Về con chung: Thống nhất vợ chồng 01 con chung tên Trịnh L sinh năm 1999 hiện con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng cấp dưỡng

Về tài sản chung, nợ chung: thống nhất không yêu cầu tòa giải quyết

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Lê Q xin xét xử vắng mặt
- Bị đơn ông Trịnh K giữ nguyên quan điểm
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành phát biểu ý kiến.

Việc chấp hành theo quy định pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS năm 2015;

Về việc chấp hành theo quy đinh pháp luật của HĐXX: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 63 BLTTDS 2015;

Về việc chấp hành theo quy định của pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật

+ Quan điểm về giải quyết vụ án:

Vụ án thuộc trường hợp kiểm sát viên phải tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21, Điều 97 BLTTDS

Qua nghiên cứu hồ sơ, tài liệu xét thấy:

Ông K, bà Q chung sống với nhau vào năm 1998 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống xét thấy ông bà thường xuyên mâu thuẫn, sống ly thân đã lâu và không còn quý trọng, quan tâm chăm sóc, yêu thương nhau nữa làm cho đời sống vợ chồng lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng.

Căn cứ Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào lời khai nguyên đơn và các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho bà Lê Q được ly hôn với ông Trịnh K.

Về con chung: Không xem xét giải quyết do con chung đã trưởng thành

Về án phí : Đề nghị xem xét theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn bà Lê Q, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc "*Ly hôn*" theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn ông Trịnh K có nơi cư trú tại KP.10, P.H, thị xã C, tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Q có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Q, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Bà Lê Q và ông Trịnh K tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1998 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân TT.C, huyện B (nay là P. H, thị xã C), tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp.

[4.2] Trong quá trình giải quyết vụ án bà Q cho rằng vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cãi vã do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Cả hai không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Ông K cũng xác định vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, không biết yêu thương quý trọng lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2021 cho đến nay. Điều này cũng phù hợp biên bản xác minh ngày 28/8/2023 tại chính quyền địa phương. Đối với việc ông K cho rằng bà Q còn nợ 330.000.000 đồng để làm lý do không đồng ý ly hôn là không có căn cứ bởi lẽ đây là quan hệ vay mượn với nhau, ông K được quyền khởi kiện bà yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, giữa ông K, bà Q chung sống thường xảy ra mâu thuẫn, đã sống ly thân, không yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà Q, cho bà Q được ly hôn với ông K.

Đối với việc ông K cho rằng bà Q còn nợ ông 330.000.000 đồng, quá trình giải quyết vụ án ông K đã được Tòa án hướng dẫn làm đơn yêu cầu và cung cấp chứng cứ nhưng ông K không thực hiện nên không có căn cứ xem xét giải quyết

[4.3] Về con chung: Thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên Trịnh L sinh năm 1999 hiện con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng cấp dưỡng

[4.4] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*:* Nguyên đơn bà Lê Q phải chịu là 300.000đồng. Tuy nhiên, bà Q là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên bà Q không phải nộp án phí

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận cho bà Lê Q được ly hôn với ông Trịnh K

2. Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết

3. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Lê Q là người cao tuổi nên không phải nộp, bà Q được nhận lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012427 ngày 26/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Chơn Thành;
- Chi cục THADS thị xã Chơn Thành;
- UBND P H
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ung Thị Ngọc Thanh

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Xuân Thiều **Nguyễn Việt Thành** **Ung Thị Ngọc Thanh**